

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

Bản án số: 146/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2025.

Về việc “Ly hôn; tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đông.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Trần Anh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Ông Dương Minh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Q.

Bà L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Q. Trong thời gian chung sống, vợ chồng mâu thuẫn do ông T có quan hệ ngoại tình; từ năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T;

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Dương Phương T, sinh ngày 03/9/2019. Nếu ly hôn bà L yêu cầu nuôi cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Dương Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn là chưa đảm bảo. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: xét đơn khởi kiện của bà L là có cơ sở nên đề nghị HĐXX xem xét quyết định cho bà L ly hôn với ông T; giao con chung là cháu T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng; phần cấp dưỡng nuôi chung: bà L không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị L có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với ông Dương Minh T, hiện trú tại: Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Bà Trần Thị L là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Ông Dương Minh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Nay cuộc sống chung giữa bà L và ông T không có hạnh phúc, nguyên nhân theo bà L trình bày là do ông T có quan hệ ngoại tình, không chăm lo đến vợ con và từ năm 2023 đến nay vợ chồng không sống chung, bà L không còn tình cảm với ông T nên bà L yêu cầu được giải quyết cho ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến, không thể hiện ý kiến về việc xin ly hôn của bà L, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng của bà L và ông T như vậy nếu có kéo dài thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Dương Phương T, sinh ngày 03/9/2019; Nếu ly hôn bà L yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ; khi vợ chồng ly thân không sống chung đến nay bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do vậy, để đảm bảo cho việc học tập và phát triển bình thường của con chung nên giao cháu T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Phần cấp dưỡng nuôi con chung, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn bà Trần Thị L với bị đơn ông Dương Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Dương Minh T.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Phương T, sinh ngày 03/9/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Dương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị L phải chịu, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001827 ngày 24 tháng 02 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Dương Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND tp T;
- UBND xã T;
- Chi cục T.H.A tp T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Huỳnh Lý